

GDI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIA ĐÌNH
SỐ 5 NGUYỄN GIA THIỀU - QUẬN 3 - TP.HCM
MST : 0305141929

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÍ 01 NĂM 2025
TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 31/03/2025

WU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 – 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		286,564,384,926	286,587,987,118
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.01	33,139,202,430	33,667,610,598
1. Tiền	111		33,139,202,430	33,667,610,598
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.02	223,581,604,600	221,003,604,600
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		223,581,604,600	221,003,604,600
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	VI.03	22,570,709,083	24,639,365,855
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	335,000,000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,612,810,116	2,611,824,511
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		58,351,505,176	58,806,751,186
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(38,393,606,209)	(37,114,209,842)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	VI.05	7,272,868,813	7,277,406,065
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,931,860	8,265,072
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7,191,332,153	7,220,347,747
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		78,604,800	48,793,246
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		430,551,407,453	431,000,985,836
I. Các khoản phải thu dài hạn khác	210	VI.06	130,852,000	130,852,000
1. Phải thu dài hạn khác	216		130,852,000	130,852,000
II. Tài sản cố định	220	VI.07	-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		1,727,994,091	1,727,994,091
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,727,994,091)	(1,727,994,091)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.08	43,730,927,914	44,020,155,258
- Nguyên giá	231		57,587,459,924	57,587,459,924
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(13,856,532,010)	(13,567,304,666)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.09	285,461,883,705	285,461,883,705
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		285,461,883,705	285,461,883,705

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.10	98,000,000,000	98,000,000,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		98,000,000,000	98,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	VI.11	3,227,743,834	3,388,094,873
1. Chi phí trả trước dài hạn khác	261		3,227,743,834	3,388,094,873
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		717,115,792,379	717,588,972,954
C. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		216,589,319,645	217,097,477,369
I. Nợ ngắn hạn	310	VI.12	216,589,319,645	217,097,477,369
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		5,696,810,406	5,696,810,406
2. Người mua trả tiền trước	312		14,883,749	14,175,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		738,886,777	888,719,870
4. Phải trả cho người lao động	314		-	248,931,818
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		659,542,882	717,159,153
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		209,479,195,831	209,531,681,122
D. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		500,526,472,734	500,491,495,585
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + 418 + 420 + 421)	410	VI.14	500,526,472,734	500,491,495,585
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		378,700,000,000	378,700,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		378,700,000,000	378,700,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		88,581,030,550	88,581,030,550
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6,222,012,980	6,222,012,980
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27,023,429,204	26,988,452,055
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26,988,452,055	26,232,795,377
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34,977,149	755,656,678
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		717,115,792,379	717,588,972,954

Người lập

Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 16 tháng 01 năm 2025

Tổng giám đốc

Dinh Chi Hà

Dinh Chi Hà

Huỳnh Thị Ngọc Diệp

Huỳnh Thị Ngọc Diệp



Lê Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 01 năm 2025 (từ 01/01/2025 đến 31/03/2025)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 01		Lũy kế đến quý báo cáo năm 2025	Lũy kế đến quý báo cáo năm 2024
			Năm 2025	Năm 2024		
I	2	3	4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VII.1	590,559,926	603,991,762	590,559,926	603,991,762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VII.2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		590,559,926	603,991,762	590,559,926	603,991,762
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	403,228,997	486,867,561	403,228,997	486,867,561
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		187,330,929	117,124,201	187,330,929	117,124,201
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	2,674,638,779	2,803,046,547	2,674,638,779	2,803,046,547
7. Chi phí tài chính	22	VII.5			-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	24,000,000		24,000,000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	2,650,233,274	2,812,043,769	2,650,233,274	2,812,043,769
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		187,736,434	108,126,979	187,736,434	108,126,979
11. Thu nhập khác	31	VII.6	16,418,949		16,418,949	-
12. Chi phí khác	32	VII.7	128,347,157		128,347,157	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(111,928,208)	-	(111,928,208)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		75,808,226	108,126,979	75,808,226	108,126,979
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	40,831,077	23,025,396	40,831,077	23,025,396
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		34,977,149	85,101,583	34,977,149	85,101,582
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		0.92	2.25	0.92	2.25
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2025

Tổng giám đốc

Đinh Thị Hà

Huỳnh Thị Ngọc Diệp



Lê Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	968,324,671	8,515,626,797
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(30,542,998)	(3,770,656,360)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(837,457,244)	(2,636,764,572)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(190,664,170)	(77,590,303)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3,500,511,622	15,973,609,956
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1,360,580,049)	(3,632,700,548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2,049,591,832	14,371,524,970
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(102,378,000,000)	(297,467,604,600)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	99,800,000,000	252,728,817,955
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2,578,000,000)	(44,738,786,645)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20 + 30 + 40$)	50	(528,408,168)	(30,367,261,675)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	33,667,610,598	64,034,872,273
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương dòng tiền cuối kỳ ($70 = 50 + 60 + 61$)	70	33,139,202,430	33,667,610,598

Người lập



Đinh Thị Hà

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Ngọc Diệp

TP.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2025



Tổng giám đốc

Lê Anh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Gia Định là doanh nghiệp cổ phần, Cty hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007536 ngày 09/08/2007 và được thay đổi lần thứ 1 ngày 15/04/2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp và Giấy chứng nhận đăng ký thuế ngày 31/08/2007 do Cục thuế TP.HCM cấp.

- Ngày 07/02/2012, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 2 theo số 0305141929 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp là do có sự thay đổi bổ sung mở rộng lãnh vực ngành nghề hoạt động kinh doanh.

- Ngày 04/12/2013, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 3 theo số 0305141929 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp là do có sự thay đổi về điều chỉnh giảm vốn điều lệ từ **400.000.000.000** đồng giảm còn **378.700.000.000** đồng.

- Ngày 11/07/2016, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 4 theo số 0305141929 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp là do có sự thay đổi về người đại diện theo pháp Luật của Công ty.

- Ngày 04/12/2017, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 5 theo số 0305141929 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp là do có sự thay đổi về người đại diện theo pháp Luật của Công ty.

- Ngày 09/07/2020, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 6 theo số 0305141929 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp là do có sự thay đổi về người đại diện theo pháp Luật của Công ty.

- Ngày 22/11/2022, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 7 theo số 0305141929 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp là do có sự thay đổi về địa chỉ trụ sở Văn phòng Công ty.

- Ngày 17/07/2023, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 8 theo số 0305141929 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp là do có sự thay đổi về người đại diện theo pháp Luật của Công ty.

Tại kỳ kết thúc báo cáo tài chính 31/12/2024

Vốn điều lệ : 378.700.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/03/2025 là : **378.700.000.000 đ** (Ba trăm bảy mươi tám tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn).

Công ty có 100% vốn góp Cổ phần

Trụ sở của Công ty tại số 05 Nguyễn Gia Thiều, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, dịch vụ, thương mại.

3 Ngành nghề kinh doanh

Tư vấn đầu tư, quản lý kinh doanh (trừ tư vấn tài chính kế toán). Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, thủy

lợi, giao thông hạ tầng kỹ thuật - San lấp mặt bằng -Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà ở -cho thuê văn phòng - kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Trang trí nội thất, dịch vụ nghiên cứu, phân tích thị trường, môi giới thương mại, dịch vụ truyền thông đa phương tiện - Quảng cáo thương mại - Dịch vụ tiếp thị - Dịch vụ tổ chức lễ hội - Mua bán sản phẩm máy móc thiết bị công nghệ, phụ tùng, vật tư và nguyên phụ liệu ngành công nghiệp.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 *Kỳ kế toán* : Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025.

2 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đáo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VNĐ).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được qui đổi ra đồng Việt Nam, tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/06/2006, và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính Trong việc lập Báo cáo Tài chính.

- Ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do BTC ban hành.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán : Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ghi nhận ban đầu công cụ tài chính:

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu:

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền: Bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính chứng khoán kinh doanh : Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu

và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, gồm các khoản tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng tháng, hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư, thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay: Được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào Công ty liên kết: Công ty liên kết là một Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty, ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo giá gốc, Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có), dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: Phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên đầu tư, khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác phản

ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh: là hợp đồng thỏa thuận của hai bên hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập, các Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) mà Công ty đã tham gia ký kết cho phép bên tham gia Hợp đồng được hưởng lợi nhuận được chia phát sinh từ dự án. Vì vậy, các hợp đồng này được hạch toán căn cứ vào bản chất của từng Hợp đồng theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu: Là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác, nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao : Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa - vật kiến trúc	20-30
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3-5

Thuế hoạt động : Một khoản thuế được xem là thuế hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

*** Công ty là bên cho thuê :** Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê, chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*** Công ty là bên đi thuê:** Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản dở dang dài hạn: Được thể hiện từ các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án với mục đích xây dựng để bán hoặc cho thuê trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn dựa trên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty, tài sản dở dang dài hạn được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí đền bù, chi phí giải tỏa, chi phí xây dựng, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Giá trị thuần có thể thực hiện được khi được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, chi phí bán hàng và chi phí phân phối khi có phát sinh.

Dự phòng giảm giá tài sản dở dang dài hạn của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành có thể thực

hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc, chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư : Bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm đến 30 năm.

Các khoản trả trước : Bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán, chi phí trả trước gồm chi phí sửa chữa văn phòng đi thuê, giá trị công cụ dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả: Được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này, các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu :

*** Doanh thu cung cấp dịch vụ :** Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch có được xác định một cách đáng tin cậy, trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm là theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó, kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*** Doanh thu bất động sản công ty là chủ đầu tư:** Được ghi nhận và được xác định khi thỏa mãn tất cả năm điều kiện như:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền

liên với quyền sở hữu bất động sản cho người mua,

- Cty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

*** Doanh thu hoạt động tài chính:** Được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế:

*** Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** Là số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong quý, trong năm, thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

*** Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:** Được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản, thuế TNDN hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với số thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế TNDN phải nộp và thuế TNDN hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, tuy nhiên những quy định này sẽ thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan Thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thể hiện hành tại Việt Nam

- * Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%
- * Các loại thuế khác và lệ phí nộp thuế theo quy định hiện hành.

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01 Tiền	Cuối kỳ		Đầu năm	
- Tiền gửi thanh toán	21,406,095,888		21,934,357,411	
- Tiền gửi thanh toán (chứng khoán)	11,733,106,542		11,733,253,187	
Cộng	33,139,202,430		33,667,610,598	
02 Đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
- Đầu tư mua chứng chỉ tiền gửi	103,478,000,000	Kỳ hạn	132,900,000,000	Kỳ hạn
Cty Tài chính TNHH NH Việt Nam Thịnh Vượng (VPB SMBC FC)	67,278,000,000	06 tháng	65,900,000,000	06 tháng
Cty Tài chính CP Tín Việt (Vietcredit)	36,200,000,000	06 tháng	67,000,000,000	06 tháng
- Đầu tư vào Hợp đồng tiền gửi	55,103,604,600		23,103,604,600	
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (DIDV)	32,000,000,000	06 tháng	-	06 tháng
NH TMCP Phát triển TP.HCM (IIDBank)	6,000,000,000	06 tháng	6,000,000,000	06 tháng
NH TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (đổi tên từ Ocaenbank sang MBV - đang bị C46 phong tỏa)	17,103,604,600	12 tháng	17,103,604,600	12 tháng
- Hợp đồng đầu tư tài chính	65,000,000,000		65,000,000,000	
Cty CP Đầu tư Xây dựng và PT Hạ tầng Phú An	65,000,000,000		65,000,000,000	
Cộng	223,581,604,600		221,003,604,600	
03 Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ		Đầu năm	
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	-	335,000,000	-
Lê Trọng Phát	-		335,000,000	
- Trả trước cho người bán	2,612,810,116	-	2,611,824,511	-
Công ty TNHH Nội Thất Bền Vững	29,700,000		29,700,000	
Công ty TNHH Bê Tông & Xây Dựng Minh Đức	964,986,000		964,986,000	
Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng	1,399,200,000		1,399,200,000	
Công Ty CP Kiểm Định Xây Dựng Sài Gòn	96,250,000		96,250,000	
Cty TNHH Thu Phí Tự Động VETC	2,674,116		1,688,511	
CN. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	120,000,000		120,000,000	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
- Phải thu ngắn hạn khác	58,351,505,176	(38,393,606,209)	58,806,751,186	(37,114,209,842)
Cộng ty CP Tập Đoàn Khang Thông	46,187,594,474	(31,785,665,222)	46,187,594,474	(30,506,268,855)
Cty TNHH MTV Dệt May Gia Định - 16/1 Âu Cơ	1,061,769,170	(1,054,206,959)	1,061,769,170	(1,054,206,959)
Cty CP Tư Vấn Đầu Tư Truyền Thông Đại Nam	70,000,000	(70,000,000)	70,000,000	(70,000,000)
Cục thi hành án dân sự TP.HCM	83,000,000		83,000,000	
Lãi CCTG và Hợp đồng TG trích trước trong kỳ	2,684,731,765		3,458,602,908	
Dự án Gia Định Plaza - 07 Trường Chinh	2,065,080,793	(2,065,080,793)	2,065,080,793	(2,065,080,793)
Dự án số 106 đường 3/2 - Lega Fashion House	1,535,125,000		1,535,125,000	
Dự án 354 Bến Chương Dương	1,470,500,000	(1,470,500,000)	1,470,500,000	(1,470,500,000)
Dự án số 66 Trần Bình Trọng	190,000,000	(190,000,000)	190,000,000	(190,000,000)
Dự án số 11 Trường Sơn	20,000,000	(20,000,000)	20,000,000	(20,000,000)

Dự án 16/1 Ấu Cơ	21,000,000	(21,000,000)	21,000,000	(21,000,000)
Dự án Đăk Nông	335,200,000	(335,200,000)	335,200,000	(335,200,000)
Dự án 1005-1009 Thoại Ngọc Hầu	44,000,000	(44,000,000)	44,000,000	(44,000,000)
Hà Viết Thanh	1,029,953,235	(1,029,953,235)	1,029,953,235	(1,029,953,235)
Võ Việt Trung	308,000,000	(308,000,000)	308,000,000	(308,000,000)
Các khoản thu khác	1,245,550,739		926,925,606	
05 Tài sản ngắn hạn khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
- Trả trước ngắn hạn khác	2,931,860	-	8,265,072	
Mua sắm và đồ dùng phục vụ làm việc Công ty	2,506,860		3,786,861	
Mua sắm trang thiết bị căn hộ 2.04 An Khang	-		4,053,211	
CP chờ phân bổ nhà phố Bông Sao, Quận 8, HCM	425,000		425,000	
- Thuế GTGT được khấu trừ	7,191,332,153		7,220,347,747	
- Thuế thu nhập cá nhân	78,604,800		48,793,246	
06 Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ		Đầu năm	
Thu dài hạn khác	130,852,000	-	130,852,000	
Cty TNHH Thiên Sơn - Đặt cọc thuê VP làm việc	130,852,000		130,852,000	

07 Tăng/ giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu Quý/Năm			1,320,881,818	407,112,273		1,727,994,091
Số dư cuối Quý/Năm			1,320,881,818	407,112,273		1,727,994,091
Giá trị hao mòn lũy kế						
- Khấu hao trong năm			1,320,881,818	407,112,273		1,727,994,091
Số dư cuối Quý/Năm			1,320,881,818	407,112,273		1,727,994,091
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu Quý/Năm			-	-		-
- Tại ngày cuối Quý/Năm			-	-		-

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ/năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

08 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ/ năm	Giảm trong kỳ/ năm	Số cuối kỳ/năm
Nguyên giá	57,587,459,924	-	-	57,587,459,924
- Nhà và quyền sử dụng đất	28,662,490,645			28,662,490,645
- Căn hộ chung cư	13,205,847,379			13,205,847,379
- Mặt bằng Cao ốc chung cư	15,719,121,900			15,719,121,900
Giá trị hao mòn lũy kế	13,567,304,666	289,227,344	-	13,856,532,010
- Nhà và quyền sử dụng đất	5,642,141,117	56,633,460		5,698,774,577
- Căn hộ chung cư	1,714,255,814	73,117,083		1,787,372,897
- Mặt bằng Cao ốc chung cư	6,210,907,735	159,476,801		6,370,384,536
Giá trị còn lại	44,020,155,258	-	-	43,730,927,914
- Nhà và quyền sử dụng đất	23,020,349,528			22,963,716,068
- Căn hộ chung cư	11,491,591,565			11,418,474,482
- Mặt bằng Cao ốc chung cư	9,508,214,165			9,348,737,364

09 Tài sản dở dang dài hạn

- Chi phí xây dựng dở dang

Khoảng mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ/ năm	Giảm trong kỳ/ năm	Số cuối kỳ/năm
Dự án Gia Định Plaza - 07 Trường Chinh	231,154,251,686			231,154,251,686
Dự án số 106 đường 3/2 - Lega Fashion House	15,875,631,362			15,875,631,362
Dự án số 354 Bến Chương Dương	38,432,000,657			38,432,000,657
Cộng	285,461,883,705	-	-	285,461,883,705

10 Đầu tư tài chính dài hạn

Cuối kỳ

Đầu năm

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Cty CP Đầu tư Xây dựng và PT Hạ tầng Phú An 98,000,000,000 98,000,000,000

11 Tài sản dài hạn khác

Cuối kỳ

Đầu năm

- Trả trước dài hạn khác

3,227,743,834 - 3,388,094,873

Mua sắm và đồ dùng phục vụ làm việc Công ty 22,743,758 33,963,312

Mua sắm trang thiết bị căn hộ Fhome Đà Nẵng 56,735,889 62,304,751

CP phân bổ nhà phố Bông Sao, Quận 8, HCM 3,127,623,077 3,270,050,329

CP phân bổ căn hộ Fhome Đà Nẵng 20,641,110 21,776,481

12 Phải trả khách hàng

Cuối kỳ

Đầu năm

- Phải trả người bán

5,696,810,406 - 5,696,810,406

Cty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Tài Trĩ 25,300,000 25,300,000

Công Ty CP Bê Tông Ly Tâm Thủ Đức I 2,499,707,625 2,499,707,625

CTy TNHH TM - Xây Dựng Giao Thông Phú Hòa 122,245,000 122,245,000

Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Bắc Bộ 1,099,865,534 1,099,865,534

Công Ty Cổ Phần Tư Vấn VI TA 726,000,000 726,000,000

Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Sông Đà 216,260,000 216,260,000

Công Ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng CLACONS 175,822,247 175,822,247

Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà 831,610,000 831,610,000

- Người mua trả tiền trước

14,883,749 - 14,175,000

Vũ Thị Ngọc 14,883,749 14,175,000

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

738,886,777 888,719,870

- Trả lương cho người lao động (công nhân viên t

- 248,931,818

- Chi phí phải trả ngắn hạn

659,542,882 717,159,153

- Phải trả khác

209,479,195,831 - 209,531,681,122

Công Ty Cổ Phần Giấy Da và MM XK Legamex 5,635,596,481 5,635,596,481

Cty TNHH MTV Dệt May Gia Định (nay là Cty CP Dệt may Gia Định) 20,826,000,000 20,826,000,000

Vũ Thị Ngọc 29,767,500 28,350,000

VP ĐD Hooker Furnishings Corporation tại Tp. H 377,414,688 377,414,688

Đinh Thị Thu Hiền - 2,194,005

Trần Thị Phương Chi - 24,200,000

Lê Kim Tuyền 34,000,000 34,000,000

Ngô Thị Kim Hương	-	34,000,000
Nguyễn Chí Công	34,000,000	34,000,000
Dùì Diuì Dâu	48,000,000	-
Nguyễn Thị Lam Hồng	-	21,000,000
Lê Anh	755,030	24,000,000
Công ty CP Tập Đoàn Đại Dương - Vốn góp vào DA Gia Định Plaza	16,254,247,680	16,254,247,680
Công ty CP Tập Đoàn Đại Dương - Vốn góp vào DA Lega Fashion House	4,912,500,000	4,912,500,000
Công ty CP Đầu tư và tư vấn Tài chính Liên Việt - DA 07 Trường Chinh.	161,324,178,268	161,324,178,268
Các khoản trả khác	2,736,184	-
14 Vốn chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp chủ sở hữu	378,700,000,000	- 378,700,000,000
Vốn góp của cổ đông sáng lập	122,000,000,000	122,000,000,000
Vốn góp của các đối tượng khác	256,700,000,000	256,700,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	37,870,000	37,870,000
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37,870,000	37,870,000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 Cổ phiếu

* Công ty Dệt may Gia Định góp vốn bằng tiền mặt 58.000.000.000 đồng lúc ban đầu và đã hoán đổi sang :

- Giá trị quyền tài sản tại khu đất số 07 Trường Chinh, Quận 12, TP.HCM tương ứng số tiền là : 20.000.000.000 đồng

- Giá trị lợi thế tài sản tại khu đất số 354 Bến Chương Dương Quận 1, TP.HCM tương ứng số tiền là : 38.000.000.000 đồng. (Khu đất số 354 Bến Chương Dương Quận 1, TP.HCM đã bị UBND TP.HCM thu hồi theo Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 21/05/2021).

Hiện Công ty GDI đã nộp đơn khởi kiện Công ty Gdltx đối với khoản tiền góp vốn điều lệ 58.000.000.000 đồng.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 01/2025		Quý 01/2024
1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	590,559,926	-	603,991,762
- Doanh thu cho thuê bất động sản	590,559,926		603,991,762
3 Giá vốn hàng bán	403,228,997	-	486,867,561
- Giá vốn cho thuê bất động sản	403,228,997		486,867,561
4 Doanh thu hoạt động tài chính	2,674,638,779	-	2,803,046,547
- Lãi tiền mua CCTG, lãi tiền gửi	2,674,638,779		2,803,046,547
6 Thu nhập khác			
- Thanh lý Hợp đồng cho thuê nhà	16,418,949		-
7 Chi phí khác			
- Các khoản bị phạt	128,347,157		-
8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	2,674,233,274	-	2,812,043,769
a. Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	24,000,000		-
b. Chi phí quản lý phát sinh trong kỳ	1,370,836,907		1,518,791,124
c. CP trích lập dự phòng nợ khó đòi phát sinh trong k	1,279,396,367		1,293,252,645
10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40,831,077		23,025,396
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế quý hiện hành	40,831,077		23,025,396

VIII Những thông tin khác

- Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Dền liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Lấy kể từ đầu năm
Công ty Dệt may Gia Định (tên theo GPĐKKD)	Cổ đông sáng lập	Nhà đầu tư - Góp vốn thực hiện DA GiaĐinh Palaza	20,826,000,000
Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông (tên theo GPĐKKD)	Cổ đông sáng lập	Hợp tác đầu tư mua máy móc thiết bị khai thác mỏ cát	46,187,594,474
Công ty CP Tập Đoàn Đại Dương	Hợp tác	Nhà đầu tư - Góp vốn thực hiện Dự án GiaĐinh Palaza - Góp vốn thực hiện Dự án Lega Fashion house	21,166,747,680
Công ty CP Đầu tư và tư vấn Tài chính Liên Việt	Cổ đông khác	Nhà đầu tư - Góp vốn thực hiện Dự án GiaĐinh Palaza	161,324,178,268

- Giải trình kết quả hoạt động SXKD

Lợi nhuận quý 01/2025 giảm so với cùng kỳ quý 01/2024 là do bị ảnh hưởng trong kỳ có phát sinh nộp phạt.

Người lập

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Tổng Giám đốc


Dinh Thi Ha


Huynh Thi Ngoc Diem




Le Anh